Name: ……...

Class: S2…

Ngày làm bài: Thứ……., ngày…./….

Listening: ……

StarLink

SEASON & WEATHER - GRAMMAR & STARTERS LISTENING

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

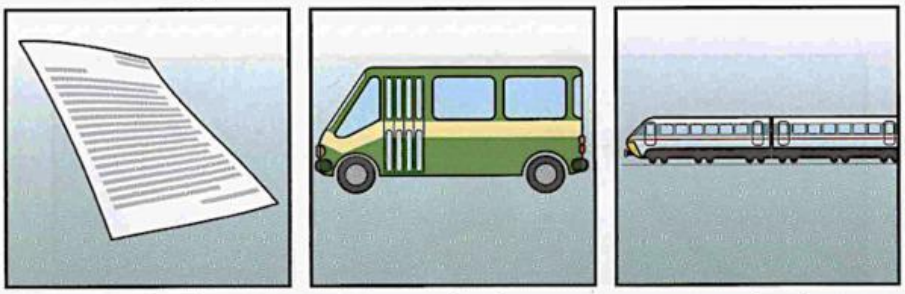
Con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-1-test-1-part-3

Part 3

– 5 questions –

Listen and tick (✔) the box. There is one example.

What's Bill doing?



A ☐ B ☑ C ☐

1 What's Tom playing?



A ☐ B ☐ C ☐

2 What's Nick doing?



A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS

3 What's Ben doing?



A ☐ B ☐ C ☐

4 What's Kim doing?



A ☐ B ☐ C ☐

5 What's Ann painting?



A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS

Name: ……...

Class: S2…

Ngày giao bài: Thứ……., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ……., ngày…./….

Grammar: ……

Listening: ……

Mini test: ……

SEASON & WEATHER - GRAMMAR & STARTERS LISTENING

A. GRAMMAR: Present simple *(Hiện tại đơn)*

❖ **Present simple: Positive, negative, short question** *(Khẳng định, phủ định và câu hỏi ngắn ở hiện tại đơn)*

	Công thức	Ví dụ
Positive *(khẳng định)*	I/You/We/They + **V**. He/She/It + **Vs/es**.	- I **sing**. - He **sings**.
Negative *(phủ định)*	I/You/We/They + **don't** + V. He/She/It + **doesn't** + V.	- I **don't** sing. - She **doesn't** sing.
Yes/No question *(câu hỏi Yes/No)*	**Do** + I/you/we/they + **V**? → Yes, I/you/we/they **do**. → No, I/you/we/they **don't**. **Does** + he/she/it + **V**? → Yes, he/she/it **does**. → No, he/she/it **doesn't**.	**- Do** you **sing**? → Yes, I **do**. → No, I **don't**. **- Does** she **sing**? → Yes, she **does**. → No, she **doesn't**.

❖ **Present simple: Use question words to ask basic questions** *(Dùng từ để hỏi ở hiện tại đơn)*

Một số từ để hỏi (Wh-words): **What** (hỏi vật), **How** (hỏi cách thức), **Where** (hỏi địa điểm)

Động từ am, is, are	 **- Where is the cat?** ⇨ It is under the table.	 **- What are they?** ⇨ They are lions.
Động từ thường *(trường hợp có do / does)*	 **- How do they get there?** ⇨ They get there by a car.	 **- Where does he work?** ⇨ He works at the office.

** **Note**: V: động từ nguyên thể, don't = do not, doesn't = does not.*

❖ **Quy tắc sử dụng s/es**

- Với các danh từ và động từ có tận cùng là **o, ch, s, x, sh, z** thì sẽ thêm đuôi es.

VD: do → does, watch → watches, go → goes, box → boxes, kiss → kisses, rich → riches.

- Một mẹo nhỏ để dễ ghi nhớ hơn, có thể áp dụng câu thần chú: ***"O Chanh Sợ Xấu Shợ Zà".***

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**Coke** (n)	nước ngọt có ga	3	**prepare** (v)	chuẩn bị
2	**yoghurt** (n)	sữa chua	4	**garlic soup** (n)	súp tỏi

**Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

C. HOMEWORK

Exercise 1. Con hãy điền DO hoặc DOES vào chỗ trống.

0. Do you like salad?

1. _____ Paul like peas?

2. _____ they eat bananas?

3. _____ Charles drink juice?

LIVEWORKSHEETS

4. _____ your cat drink milk?

5. _____ Sally like cheese?

Exercise 2. Con hãy khoanh vào đáp án đúng.

0. I ***eat*** */* ***eats*** *vegetables every day.*

1. You rarely **drink / drinks** Coke.

2. Pamela **like / likes** strawberries.

3. Richard and Paul **don't buy / don't buys** watermelon.

4. Peter **eat / eats** chicken.

5. Susan **don't have / doesn't have** breakfast.

Exercise 3. Con hãy nối câu hỏi với câu trả lời phù hợp.

0. Where is the cat?	A. I have a pencil and a ruler.
1. What do you have in your school bag?	B. He works at a bank.
2. How do you go to school?	C. She eats rice and vegetables.
3. Where do you live?	D. I go by bike.
4. What does she eat for lunch?	*E. It's under the table.*
5. Where does your dad work?	F. I live in Hanoi.

0. E	1.	2.	3.	4.	5.

Exercise 4. Con hãy trả lời các câu hỏi sau dựa vào hình ảnh.

0.	1.	2.	3.	4.	5.
					

0. Does Rita like strawberries?	*→ No, she doesn't.*
1. Do they eat yoghurt?	→ _____
2. Does Susie like garlic soup?	→ _____
3. Does your father like the food?	→ _____
4. Do your parents prepare meals?	→ _____
5. Does Sophie like fish?	→ _____

LIVEWORKSHEETS

*** CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE ***

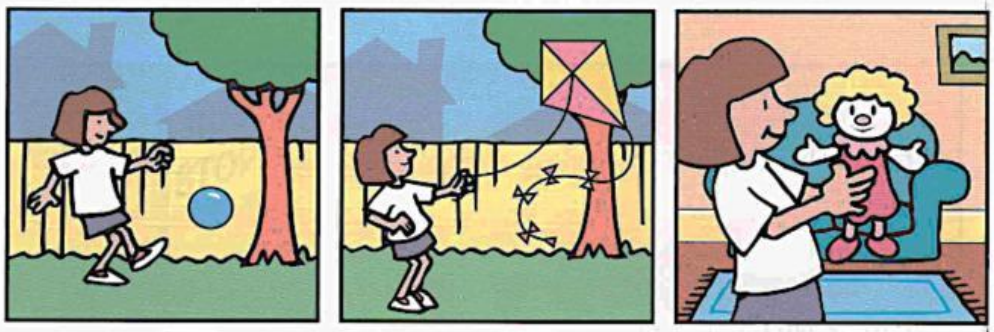
Con nghe bài ở link này: https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-1-test-2-part-3

Part 3

– 5 questions –

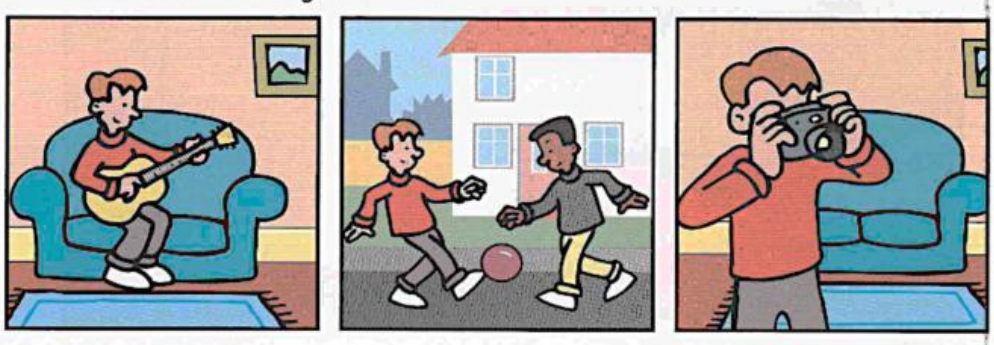
Listen and tick (✔) the box. There is one example.

What's Sue playing with?



A ☐ B ☑ C ☐

1 What's Tom doing?



A ☐ B ☐ C ☐

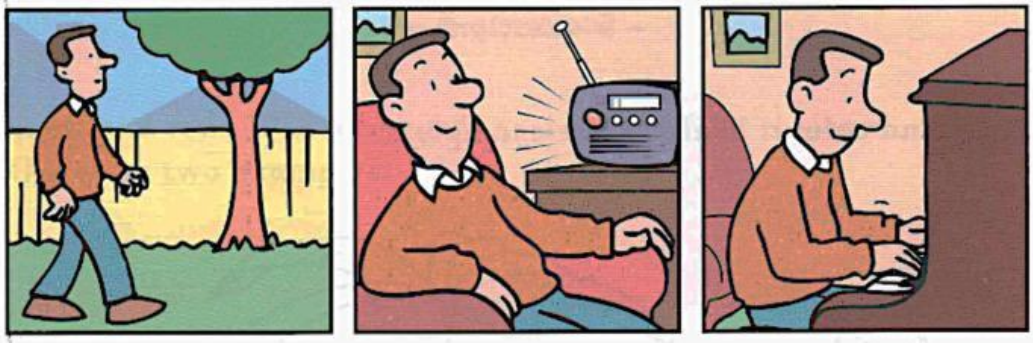
2 Where's Mummy?



A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS

3 What's Daddy doing?



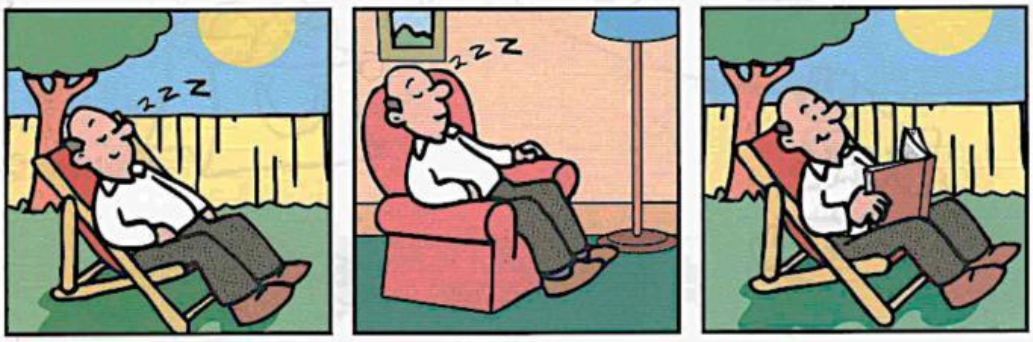
A ☐ B ☐ C ☐

4 What game are Sam and Pat playing?



A ☐ B ☐ C ☐

5 What's Grandfather doing?



A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS